

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **742** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 09 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi phí xây dựng
Hạng mục: Nạo vét lòng sông, xây dựng đê và công trình trên đê tuyến sông Hà Thanh đoạn từ Hạ lưu đập Phú Hòa đến cầu Đồi (từ K₆+492,17m đến K₇+784,44m) thuộc gói thầu số 01-EC

Dự án: Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 24/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn; Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 29/6/2015, Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 07/9/2015, Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công cấu kiện Tầm bê tông gia cố mái đê và ống buy chân kè của gói thầu số 01-EC thuộc dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 24/TTr-BQL ngày 03/3/2017 và ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 494/SNN-QLXDCT ngày 27/02/2017,



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi phí xây dựng Hạng mục Nạo vét lòng sông, xây dựng đê tuyến sông Hà Thanh đoạn từ Hạ lưu đập Phú Hòa đến cầu Đồi (từ K₆+492,17m đến K₇+784,44m) thuộc gói thầu số 01-EC, dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 01-EC: Khảo sát, lập thiết kế BVTC và thi công xây dựng tuyến sông Hà Thanh (từ cầu sông Ngang đến cầu Đồi), sông Dinh và đê tả sông Hà Thanh (thượng lưu cầu sông Ngang) nối tiếp đê hữu sông Cây Me (đến QL19)".

Hạng mục: Nạo vét lòng sông, xây dựng đê tuyến sông Hà Thanh đoạn từ Hạ lưu đập Phú Hòa đến cầu Đồi (từ K₆+492,17m đến K₇+784,44m).

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.

5. Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Bình, Nhơn Phú và Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC công trình: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Ninh Bình.

7. Chủ nhiệm công trình: Thạc sỹ Tổng Văn Phê.

8. Nội dung thiết kế và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

8.1. Nạo vét lòng sông:

- Chiều dài tuyến: 1.292,27 m (từ K₆+492,17m đến K₇+784,44m).
- Lưu lượng thiết kế: $Q_{5\%} = (634,45 \div 632,07) \text{ m}^3/\text{s}$.
- Mực nước thiết kế: $H_{5\%} = + (2,91 \div 2,31) \text{ m}$.
- Chiều rộng đáy sông: Từ đập Phú Hòa đến cầu Đồi rộng 61m.
- Cao độ đáy sông: Thay đổi từ -2,10m (Hạ lưu đập Phú Hòa) đến -2,17m (Thượng lưu Cầu Đồi). Riêng tại cầu Đồi về phía hạ lưu giữ nguyên như hiện trạng.

8.2. Xây dựng đê:

- Tần suất thiết kế: Chống lũ chính vụ 5%.
- Chiều dài tuyến đê: Tuyến đê hữu dài 1.278,76m; tuyến đê tả dài 1.127,09m.
- Cao trình mặt đê (mặt bê tông): Thay đổi từ +3,05m (Hạ lưu đập Phú Hòa) đến cuối tuyến +2,45m (cầu Đồi). Riêng tuyến đê hữu đoạn K₆+807,13m đến K₇+329,80m mặt đê cao trình +4,00m, đoạn từ K₇+329,80 đến K₇+893,82m mặt đê cao trình +3,30m.

 2

- Cao trình đỉnh tường chắn sóng trên đê: Thay đổi từ +3,9m (Hạ lưu đập Phú Hòa) đến cuối tuyến +3,30 m (cầu Đồi).

- Kết cấu thân đê: Đắp đất đầm chặt $K=0,95$, riêng lớp đất tiếp giáp với kết cấu mặt đê dày 0,3m đầm chặt $K=0,98$.

- Kết cấu mặt đê: Mặt đê kết hợp giao thông có bề rộng nền $B_{\text{nền}} = 6,0\text{m}$, bề rộng mặt $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$, tải trọng H10, kết cấu mặt đê đổ bê tông đá 2x4, M300 dày 20cm bên dưới là lớp cấp phối đá dăm dày 0,2m. Mặt đê thiết kế dốc về hai phía với độ dốc 2% để thoát nước mưa. Đắp phụ lề phía đồng rộng 0,50m, đầm chặt $K=0,90$, dốc 4%. Riêng tuyến đê hữu đoạn từ $K_6+807,13\text{m}$ đến $K_7+329,80\text{m}$ có bề rộng nền $B_{\text{nền}} = 15,5\text{m}$, bề rộng mặt $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; tuyến đê hữu đoạn từ $K_7+329,80\text{m}$ đến $K_7+893,82\text{m}$ bề rộng nền $B_{\text{nền}} = 1,5\text{m}$.

- Kết cấu mái đê: Mái đê phía sông gia cố bằng tấm BT 45x45x10 cm, đệm dăm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây BTCT M300 đá 1x2, cắt nhịp dài 11,65m bằng 2 lớp bao tải nhựa đường. Mái phía đồng trồng cỏ. Hệ số mái đê phía sông và phía đồng $m=2$.

- Chân đê: Gia cố bằng ống buy BTCT D600 dài 2m, bên ngoài có lăng thể đá hộc chống xói sâu 0,6m, rộng 1,8m. Lòng ống buy được đổ cát long chặt, bịt đầu ống buy bằng dầm mũ BTCT M250 đá 1x2, dày 20cm.

- Tường chắn sóng trên đê: Kết cấu BTCT M300 đá 1x2, cao 0,85m.

8.3. Công trình trên đê:

- Xây dựng mới 01 cống tiêu trên tuyến đê tả tại $K_6+779,59\text{m}$ kích thước $B \times H = (1 \times 1)\text{m}$, kết cấu bằng BTCT M300, cửa van bằng thép không rỉ, đóng mở bằng máy vít me V3.

- Sửa chữa 02 cống tiêu trên tuyến đê tả tại $K_7+294,68\text{m}$ (cống Cây Me) và $K_7+534,36\text{m}$ (cống Yén), hình thức đổ bù bê tông mặt cống, xây dựng tường chắn sóng và thay mới cửa van bằng thép không rỉ, vận hành bằng máy vít me V10.

- Xây dựng mới 03 cống thoát nước trên tuyến đê hữu tại $K_6+821,66\text{m}$, $K_7+34,83\text{m}$ và $K_7+301,39\text{m}$, bằng ống buy đúc sẵn kích thước D800mm, bản đáy tường cánh phía sông và phía đồng bằng BTM250, cửa van bằng BTCT M300, máy đóng mở quay tay dạng vít me V1.

9. Dự toán chi phí xây dựng: 71.412.573.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ, bốn trăm mười hai triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- | | |
|---|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 70.684.522.000 đồng; |
| - Chi phí hạng mục chung: | 728.051.000 đồng; |
| + Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng: | 728.051.000 đồng. |

10. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương.

11. Phân kỳ thực hiện:



11.1. Giai đoạn 1: Thực hiện nạo vét lòng sông đến cao trình -1,0m (bằng cao trình đáy cầu Đồi hiện trạng) nhằm chống bồi lấp trở lại sau khi nạo vét; xây dựng hoàn chỉnh tuyến đê hữu đoạn từ đập Phú Hòa đến cầu Đồi; xây dựng kè mái phía sông bảo vệ tuyến đê tả đoạn từ đập Phú Hòa đến cầu Đồi (giữ nguyên mặt đê đã kiên cố bằng bê tông).

11.2. Giai đoạn 2: Thực hiện nạo vét lòng sông đến cao trình -2,1m (theo thiết kế) sau khi đã thực hiện đồng bộ nạo vét lòng sông các đoạn thượng lưu đập Phú Hòa đến cao trình thiết kế; xây dựng hoàn chỉnh tuyến đê tả đến cao trình thiết kế sau khi đã xây dựng tuyến đê khép kín đoạn thượng lưu đập Phú Hòa đến cầu đường Sắt trên sông Dinh để hình thành tuyến đê khép kín chống lũ 5% (không phân lũ qua các tràn vào đồng).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2018.

13. Phương thức thực hiện: Theo Luật Xây dựng.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình, các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các Sở, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10 (15b)



Trần Châu